

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Quốc Tuấn

2. Ông Nguyễn Hồng Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương C, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn 9, xã T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Tiêu Hoài T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương C trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà C ông T tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, thành phố T vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên từ cuối năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân, ông T đi đâu bà

không còn liên lạc. Nhận thấy vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên bà C yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Không có.

Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Tiêu Hoài T vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ tới lần thứ hai mà không tham gia nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà C yêu cầu ly hôn là phù hợp. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương C và ông Tiêu Hoài T có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Nguyễn Thị Phương C yêu cầu ly hôn, ông T đang cư trú tại ấp 1, xã M, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Tiêu Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do; bà C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C ông T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương C, Hội đồng xét xử xét thấy:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Trong thời gian chung sống giữa bà C và ông T đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Bà C đã nhiều lần

khuyên giải nhưng ông Tkhông khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu bà C cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của bà C về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông Tkhông có ý kiến hay phản đối. Do đó nhận thấy trong thời gian chung sống giữa bà C và ông T đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hậu quả bà C và ông Tkhông còn sống chung từ cuối năm 2012, ông T bỏ đi đâu không rõ. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà C và ông T trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song ông Tkhông tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông T cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha với mối quan hệ hôn nhân này. Bà C vắng mặt vẫn cương quyết ly hôn và xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà C và ông Tkhông còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

*Về con chung:* Không có

*Về tài sản chung:* Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết bà C và ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

*Về nợ chung:* Bà C xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Tkhông trình bày nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

*Về lệ phí:* Bà C tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.500.000đ (đã nộp xong).

*Về án phí:* Bà C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương C đối với ông Tiêu Hoài T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương C được ly hôn với ông Tiêu Hoài T.

**2.** Về lệ phí: Bà C tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 2.500.000đ (đã nộp xong)

**3.** Án phí: Bà Nguyễn Thị Phương C chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007870 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk sang án phí. Bà C không phải nộp thêm.

**4.** Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người Nhứt thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS TP.Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Hòa Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hương**